

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2025

V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiên Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Xuyên và bà Phạm Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2024 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thế N**, sinh năm: 1986; địa chỉ: tổ 18, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Q; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm: 1993; địa chỉ: tổ 18, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2024, tại bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Thế N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh N và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ 18, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Q. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra chửi mắng, cãi vã, xúc phạm nhau. Anh N và chị H đã sống ly thân mỗi người sống một nơi không quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2020 cho đến nay. Gia đình hai bên đã động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: anh N và chị H không có con chung.

Về và tài sản chung và nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật cho chị Vũ Thị H tuy nhiên chị H vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 18/3/2025, bà Nguyễn Thị Ôn trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Vũ Thị H, anh Nguyễn Thế N là con rể bà. Anh N và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, chị H về chung sống với anh N tại khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Q. Vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh N thường xuyên uống rượu về chửi và xúc phạm vợ, chị H thì không khéo léo dẫn tới vợ chồng cãi chửi nhau. Do không chịu đựng được, chị H đã bỏ về nhà ở cùng với bà từ năm 2020 cho đến nay. Bà cũng đã khuyên chị H và anh N với mong muốn anh N thay đổi, chị H nhẹ nhàng với chồng để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Về con chung: anh N và chị H không có con chung.

Về tài sản chung của anh N và chị H, bà Ôn không nắm bắt được.

Ngoài ra bà Ôn cho biết, các văn bản, giấy tờ, tài liệu Tòa án gửi cho chị H bà đã nhận thay, bà đã thông báo trực tiếp đến chị H, còn việc chị H có đến Tòa án giải quyết hay không thì bà không biết. Khi bà thông báo và chuyển giấy tờ tài liệu cho chị H thì chị H có nói là chị H sẽ không ra Tòa án giải quyết vì chị không muốn gặp mặt anh N.

Tại biên bản xác minh ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, ông Nguyễn Minh Đăng - Trưởng khu 11, phường Q, thành phố U, tỉnh Q cung cấp sự việc: Anh Nguyễn Thế N và chị Vũ Thị H kết hôn năm 2012 tại UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của anh N và chị H như thế nào thì tổ khu phố cũng không nắm bắt được vì anh N và chị H sinh sống tại tổ 18, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Q. Cho tới năm 2020, chị H về sống cùng mẹ đẻ tại tổ 39A, khu 11, phường Q, thành phố U, tỉnh Q. Từ thời gian đó đến nay vợ chồng chị H và anh N cũng không có tham gia tổ chức gì tại khu 11, cũng như không có yêu cầu hội phụ nữ hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Việc anh Nguyễn Thế N có yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh N, cho anh Nguyễn Thế N được ly hôn chị Vũ Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về “Ly hôn” bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Thế N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn chị Vũ Thị H được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh N và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2012, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải mục đích tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, các văn bản, giấy tờ của Tòa án giao đến đã được mẹ chị H đã ký nhận, mẹ chị H đã thông báo và đã giao văn bản đến cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do. Điều đó thể hiện thái độ không hợp tác, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Như vậy xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị H thực sự không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N là phù hợp với thực tế và có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: anh N và chị H không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: anh N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thế N về việc xin ly hôn với chị Vũ Thị H.

Tuyên xử:

1. Anh Nguyễn Thế N được ly hôn chị Vũ Thị H.
2. Về án phí: anh Nguyễn Thế N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002814 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.ư

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- UBND phường Yên Thanh, TP. Uông Bí
(nơi thực hiện ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thiên Nga